

ĐỀ SỐ 1

Câu 41: Biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ của nước ta là

- A. đóng cửa rừng. B. lập khu bảo tồn. C. hạn chế khai thác. D. trồng rừng đầu nguồn.

Câu 42: Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

- A. ngập lụt. B. lũ quét. C. động đất. D. sóng thần.

Câu 43: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy điện của nước ta là

- A. các sông có trữ năng không lớn. B. sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn, dốc.
C. khí hậu phân hóa theo mùa rõ rệt. D. sông nhiều nước và giàu phù sa.

Câu 44: Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề nào sau đây có ý nghĩa hàng đầu?

- A. Bảo vệ rừng. B. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. Phát triển thủy lợi. D. Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu.

Câu 45: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay

- A. đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành trong GDO diễn ra rất nhanh.
C. tỉ trọng của khu vực noiong - lâm - ngư nghiệp tăng qua các năm.
D. đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu phát triển của đất nước hiện nay.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Ngàn Sâu. B. Sông Ngàn Phố. C. Sông Con. D. Sông Gianh.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13,14, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** phải là cao nguyên badan?

- A. Kon Tum. B. Đắk Lắk. C. Mộc Châu. D. Mơ Nông.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết tỉnh/thành phố nào sau đây **không** giáp với biển?

- A. Hải Phòng. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Hà Nam

Câu 49: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu theo hướng nào sau đây?

- A. Đông bắc. B. Tây bắc. C. Đông nam. D. Tây nam.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế Thanh Hóa thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc Trung Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trong các tỉnh sau đây, tỉnh nào có sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính theo đầu người thấp nhất?

- A. Bình Định. B. Lâm Đồng. C. Đắk Lắk. D. Khánh Hòa.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng?

- A. Cà Mau. B. Bạc Liêu. C. Sóc Trăng. D. Kiên Giang.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc?

- A. Tây Trang. B. Na Mèo. C. Lệ Thanh D. Hữu Nghị

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh/thành nào sau đây có giá trị nhập khẩu lớn hơn giá trị xuất khẩu?

- A. Hà Nội. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Bình Dương. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết địa danh nào sau đây là làng nghề cổ truyền ở nước ta?

- A. Càng Nhà Rồng. B. Dinh Độc Lập. C. Tân Vạn. D. Núi Bà Đen.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Bắc Trung Bộ không có ngành sản xuất vật liệu xây dựng?

- A. Bỉm Sơn. B. Huế. C. Vinh. D. Thanh Hóa.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết gia súc nào sau đây được nuôi phổ biến nhất ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lợn. B. Trâu. C. Gà. D. Bò.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết hồ Dầu Tiếng ở Đông Nam Bộ nằm ở trên sông nào sau đây?

- A. Sài Gòn. B. Đồng Nai. C. La Ngà. D. Vàm Cỏ.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Quảng Ngãi. B. Quy Nhơn. C. Khánh Hòa D. Quảng Nam.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết bông được trồng chủ yếu ở tỉnh nào sau đây của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Quảng Nam. D. Phú Yên.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019**

(Đơn vị: triệu người)

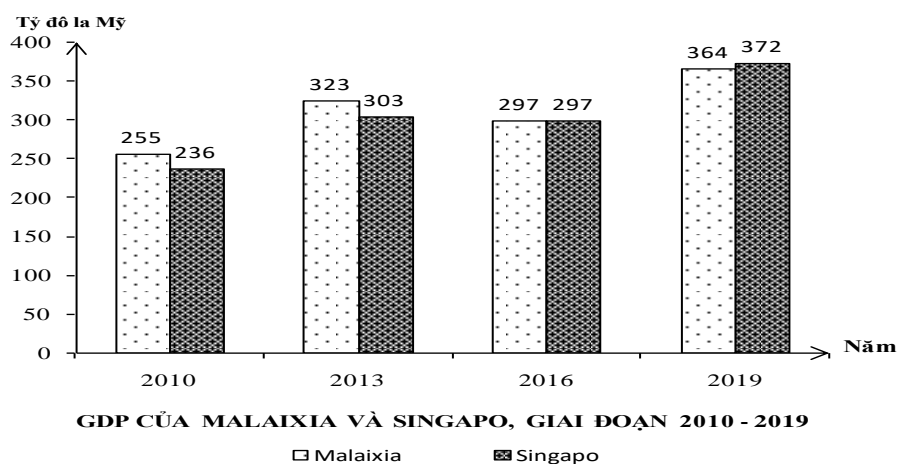
Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Việt Nam	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Tổng số	273	97	32	109
Thành thị	153	37	25	51
Nông thôn	120	60	7	58

(Nguồn: Thống kê từ Liên hợp quốc 2020, <https://danso.org>)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2019?

- A. Ma-lai-xi-a cao nhất. B. Phi-lip-pin thấp nhất.
C. Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a. D. Phi-lip-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 62: Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thông kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP của Malaixia và Xin-ga-po từ năm 2010 đến năm 2019?

- A. GDP của Malaixia và Xin-ga-po tăng liên tục.
B. Quy mô GDP của Xin-ga-po luôn lớn hơn Malaixia.
C. GDP của Malaixia tăng nhanh hơn Xin-ga-po.

D. GDP của Xin-ga-po tăng nhanh hơn Malaixia.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

A. Ở trung tâm bán đảo Đông Dương.

B. Tiếp giáp với Biển Đông.

C. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.

D. Trong vùng nhiều thiên tai.

Câu 64: Phân bố dân cư chưa hợp lí làm ảnh hưởng đến

A. việc sử dụng lao động.

B. mức gia tăng dân số.

C. tốc độ đô thị hóa.

D. quy mô dân số cả nước.

Câu 65: Nước ta dân số đông, còn tăng nhanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc

A. mở rộng thị trường tiêu thụ.

B. khai thác hiệu quả tài nguyên.

C. sử dụng hợp lý nguồn lao động.

D. nâng cao chất lượng cuộc sống.

Câu 66: Khó khăn chủ yếu trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

A. trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu.

B. công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.

C. khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp.

D. thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.

Câu 67: Cơ cấu sản phẩm công nghiệp của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là để

A. khai thác tốt hơn thế mạnh về khoáng sản.

B. tận dụng tối đa nguồn vốn từ nước ngoài.

C. phù hợp hơn với yêu cầu của thị trường.

D. sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lao động.

Câu 68: Hoạt động khai thác thủy sản nước ta hiện nay

A. chỉ ở vùng đồng bằng ven biển.

B. tham gia chủ yếu của nhà nước.

C. cơ cấu sản lượng giảm dần.

D. tập trung khai thác ven bờ.

Câu 69: Ngành hàng không là ngành non trẻ nhưng có bước phát triển nhanh là nhờ

A. chiến lược phát triển phù hợp, hiện đại hóa cơ sở vật chất.

B. huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư xây dựng nhanh.

C. nhu cầu đời sống nhân dân ngày càng cao, hội nhập sâu rộng.

D. kết quả của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 70: Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

A. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

B. có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

C. có nhiều vịnh, vịnh biển sâu kín gió, phong cảnh đẹp.

D. nhiều cửa sông lớn trực tiếp đổ ra biển, nóng quanh năm.

Câu 71: Ở nước ta, nội thương phát triển mạnh mẽ là nhờ

A. chính sách Đổi mới, sản xuất phát triển.

B. mở cửa hội nhập, thu hút mạnh đầu tư.

C. dân cư đa dạng, sống ngày càng cao.

D. giao thông phát triển, đô thị hóa nhanh.

Câu 72: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020.

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Tròn.

B. Cột.

C. Miền.

D. Đường.

Câu 73: Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng và sự phân công lao động mới.

B. tạo điều kiện cho phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

C. đẩy mạnh giao lưu kinh tế xã hội với các vùng khác trong cả nước.

D. khắc phục những yếu kém về cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư.

Câu 74: Vấn đề đặt ra trong hoạt động chế biến lâm sản ở Tây Nguyên là

A. phải chú trọng tới việc ngăn chặn nạn phá rừng.

B. khai thác hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng.

C. chú trọng đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.

D. đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

Câu 75: Tình trạng xâm nhập mặn vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long nghiêm trọng hơn trong những năm gần đây chủ yếu do

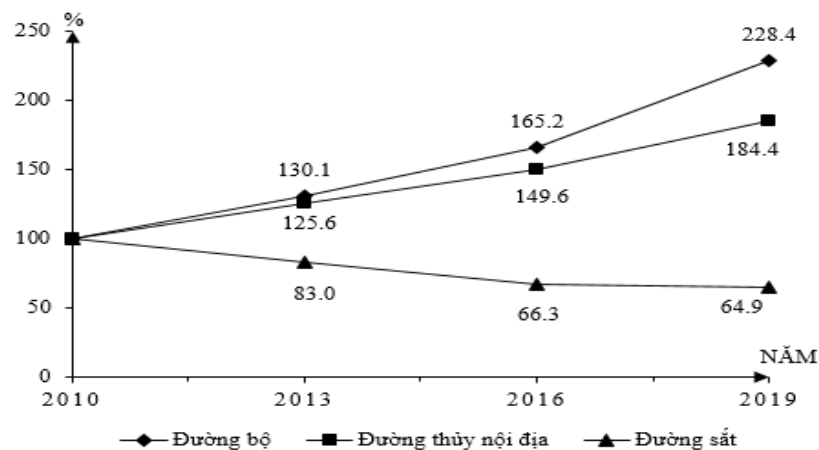
A. nhiều cửa sông, vùng trũng rộng lớn, biến đổi khí hậu toàn cầu.

B. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, nhu cầu sử dụng nước ngọt tăng.

C. lượng mưa giảm nhanh, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông lớn.

D. địa hình thấp, biến đổi khí hậu, sử dụng nước ở trung và thượng lưu.

Câu 76: Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển của một số ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010-2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô khối lượng hàng hóa.

B. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa.

C. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa.

D. Cơ cấu khối lượng hàng hóa.

Câu 77: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

A. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

B. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

C. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

D. dải hội tụ, Tín phong Bắc bán cầu và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 78: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ khai thác có hiệu quả thế mạnh tổng hợp kinh tế biển?

A. Hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, hạ tầng.

B. Thu hút đầu tư, đổi mới chính sách, mở rộng thị trường.

C. Nâng cao ý thức người dân, đào tạo và hỗ trợ việc làm.

D. Phân bố dân cư ven biển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 79: Cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ hiện nay được đẩy mạnh phát triển chủ yếu do

A. phân bố dân cư và lao động, đẩy mạnh giao lưu.

B. nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, mở cửa hội nhập.

C. nhu cầu đi lại của người dân, khai thác tài nguyên.

D. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, phát triển du lịch.

Câu 80: Biện pháp cơ bản để đưa Đồng bằng sông Hồng trở thành vùng sản xuất lương thực, thực phẩm hàng hóa là

A. quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thị trường.

B. chú ý đến môi trường và bảo vệ tài nguyên đất.

C. thay đổi cơ cấu giống cây trồng và cơ cấu mùa vụ.

D. phát triển mạnh cây vụ đông, giảm việc trồng lúa.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

HƯỚNG DẪN GIẢI VÀ ĐÁP ÁN MÔN ĐỊA LÍ
CÂU HỎI MỚI 2022 – ĐỀ SỐ 10

1. Hướng dẫn giải

Câu 41: Biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ của nước ta là

- A. đóng cửa rừng. B. lập khu bảo tồn. C. hạn chế khai thác. **D. trồng rừng đầu nguồn.**

Hướng dẫn: Biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ của nước ta là trồng rừng đầu nguồn.

Đáp án A, B và C, đó không phải là biện pháp mở rộng diện tích rừng phòng hộ.

⇒ Đáp án: D

Câu 42: Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

- A. ngập lụt.** B. lũ quét. C. động đất. D. sóng thần.

Hướng dẫn: Đáp án A- sgk trang 63; vì đồng bằng có địa hình bằng phẳng, thấp trũng nên xảy ra ngập lụt.

Câu 43: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác thủy điện của nước ta là

- A. các sông có trữ năng không lớn. B. sông ngòi nước ta nhỏ, ngắn, dốc.
C. khí hậu phân hóa theo mùa rõ rệt. D. sông nhiều nước và giàu phù sa.

Hướng dẫn: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta có sự phân mùa, lượng nước tập chủ yếu vào mùa mưa (khoảng 75%), đây là khó khăn lớn nhất đối với việc khai thác tiềm năng thủy điện ở nước ta.

⇒ Đáp án: C

Câu 44: Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề nào sau đây có ý nghĩa hàng đầu?

- A. Bảo vệ rừng. B. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. Phát triển thủy lợi. D. Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu.

Hướng dẫn: Đáp án C- sgk trang 180, Vấn đề thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ.

Câu 45: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay

- A. đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành trong GDO diễn ra rất nhanh.
C. tỉ trọng của khu vực noiong - lâm - ngư nghiệp tăng qua các năm.
D. đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu phát triển của đất nước hiện nay.

Hướng dẫn: Đáp án A – sgk trang 82

Câu 61: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2019

(Đơn vị: triệu người)

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Việt Nam	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Tổng số	273	97	32	109
Thành thị	153	37	25	51
Nông thôn	120	60	7	58

(Nguồn: Thống kê từ Liên hợp quốc 2020, <https://danso.org>)

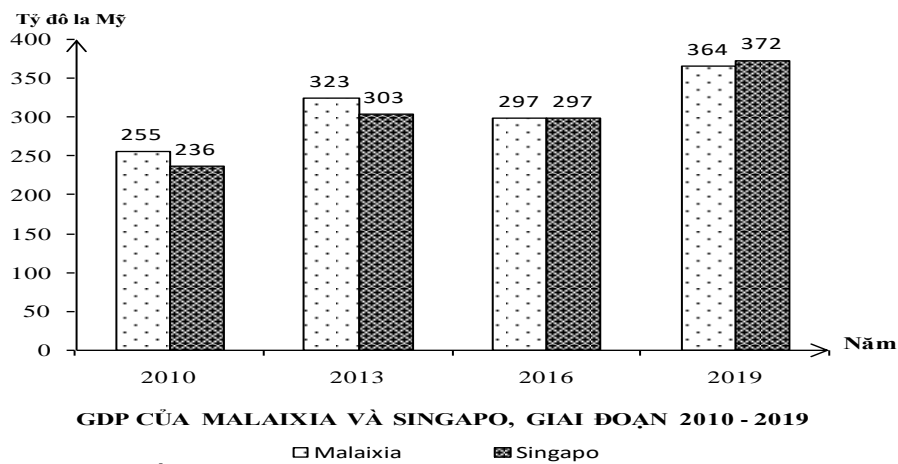
Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về tỉ lệ dân thành thị của một số quốc gia năm 2019?

- A. Ma-lai-xi-a cao nhất. B. Phi-lip-pin thấp nhất.
C. Việt Nam cao hơn Ma-lai-xi-a. D. Phi-lip-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Hướng dẫn: Tỉ lệ dân thành thị = (dân số thành thị : tổng số dân).100

⇒ Đáp án: A

Câu 62: Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP của Malaixia và Xin-ga-po từ năm 2010 đến năm 2019?

- A. GDP của Malaixia và Xin-ga-po tăng liên tục.
- B. quy mô GDP của Xin-ga-po luôn lớn hơn Malaixia.
- C. GDP của Malaixia tăng nhanh hơn Xin-ga-po.
- D. GDP của Xin-ga-po tăng nhanh hơn Malaixia.**

Hướng dẫn: A. không chính xác vì có lúc tăng, lúc giảm, B. không chọn vì năm 2010 và 2013 nhỏ hơn; C. không chọn vì Malaixia tăng 1,4 lần còn Xin-ga-po tăng 1,6 lần.

⇒ Đáp án: D

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?

- A. Ở trung tâm bán đảo Đông Dương.**
- B. Tiếp giáp với Biển Đông.
- C. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.
- D. Trong vùng nhiều thiên tai.

Hướng dẫn: Nước ta nằm ở rìa phía đông của Bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á

⇒ Đáp án : A

Câu 72: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020.

Năm	2010	2014	2018	2020
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,4
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	11,5
Điện (tỉ kWh)	91,7	141,3	209,2	235,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Cột.
- C. Miền.
- D. Đường.**

Hướng dẫn: Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010-2020, Chọn năm đầu tiên 2010 làm gốc là 100%, tính tốc độ tăng trưởng cho các năm liên tiếp; nên loại biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ là đường (Đơn vị: %)

Câu 73: Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng và sự phân công lao động mới.**
- B. tạo điều kiện cho phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- C. đẩy mạnh giao lưu kinh tế xã hội với các vùng khác trong cả nước.
- D. khắc phục những yếu kém về cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư.

Hướng dẫn: Đáp án A -sgk, trang 165, Việc phát triển cơ sở hạ tầng, GTVT tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

Câu 74: Vấn đề đặt ra trong hoạt động chế biến lâm sản ở Tây Nguyên là

- A. phải chú trọng tới việc ngăn chặn nạn phá rừng.
- B. khai thác hợp lí đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng.
- C. chú trọng đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.
- D. đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.**

Hướng dẫn: Đáp án D - sgk trang 172; Vấn đề đặt ra là cần phải...cần đẩy mạnh hơn nữa việc chế biến gỗ tại địa phương và hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

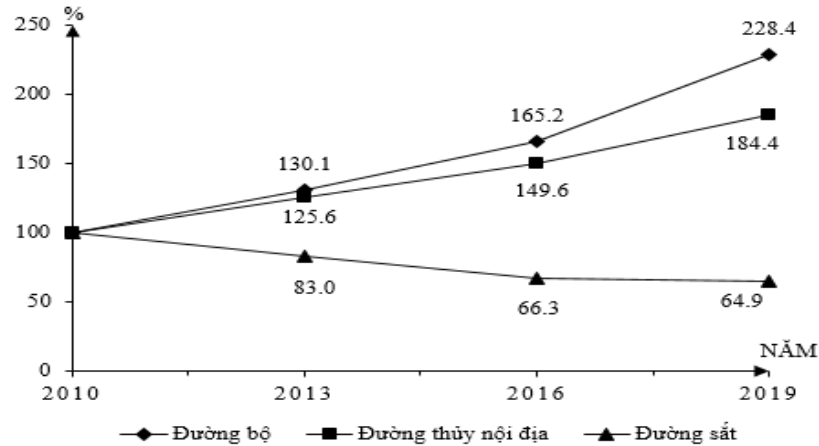
Câu 75: Tình trạng xâm nhập mặn vào mùa khô ở Đồng bằng sông Cửu Long nghiêm trọng hơn trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. nhiều cửa sông, vùng trũng rộng lớn, biến đổi khí hậu toàn cầu.
- B. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, nhu cầu sử dụng nước ngọt tăng.
- C. lượng nước mưa giảm nhanh, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông lớn.
- D. địa hình thấp, biến đổi khí hậu, sử dụng nước ở trung và thượng lưu.

Hướng dẫn: Hiện nay do khí hậu biến đổi nên hiện tượng El Nino ngày càng ảnh hưởng mạnh đến ĐBSCL và việc xây dựng thêm nhiều các hồ thủy điện trên thượng nguồn sông Mê Công làm thiếu nước nên tình trạng ngập mặn ĐBSCL diễn ra ngày càng nghiêm trọng hơn.

⇒ Đáp án: D

Câu 76: Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển của một số ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010-2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô khối lượng hàng hóa.
- B. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng hàng hóa.
- C. Tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa.
- D. Cơ cấu khối lượng hàng hóa.

Hướng dẫn: Dựa vào biểu đồ ta thấy các đường biểu diễn đều xuất phát từ góc tọa độ 100%, nên ta chọn tên biểu đồ tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa là chính xác nhất.

⇒

Đáp án: C

Câu 77: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

- A. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.
- B. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.
- C. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.
- D. dải hội tụ, Tín phong Bắc bán cầu và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Hướng dẫn: Đáp án A: gió Tây gây hiệu ứng phơn khô nóng => loại A

- Đáp án C, D: gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến chỉ gây mưa cho Nam Bộ và Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung Bộ không có mưa do nằm ở vị trí khuất gió (sau bức chắn dãy Trường Sơn Nam) => loại C, D

- Đáp án B: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của gió hướng đông bắc (Tín Phong Bán Cầu Bắc), gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

⇒

Đáp án: B

Câu 78: Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho Trung du và miền núi Bắc Bộ khai thác có hiệu quả thế mạnh tổng hợp kinh tế biển?

- A. Hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng.
- B. Thu hút đầu tư, đổi mới chính sách, mở rộng thị trường.
- C. Nâng cao ý thức người dân, đào tạo và hỗ trợ việc làm.
- D. Phân bố dân cư ven biển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hướng dẫn: Yếu tố chủ yếu làm cho TDMNBB khai thác có hiệu quả thế mạnh tổng hợp kinh tế biển là thu hút đầu tư, đổi mới chính sách, mở rộng thị trường.

Trong điều kiện mở cửa nền kinh tế, TDMNBB đã và đang thu hút nhiều vốn đầu tư trong và ngoài nước, thị trường buôn bán trao đổi hàng hóa cũng được mở rộng hơn. Vùng đã và đang phát triển nhiều dự án như khu kinh tế Vân Đồn, khu CN Cái Lân, hoạt động dịch vụ du lịch cũng ngày càng phát triển mạnh mẽ, chất lượng được nâng cao.

⇒ Đáp án B

Câu 80: Biện pháp cơ bản để đưa Đồng bằng sông Hồng trở thành vùng sản xuất lương thực, thực phẩm hàng hóa là

- A. quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thị trường.
- B. chú ý đến môi trường và bảo vệ tài nguyên đất.
- C. thay đổi cơ cấu giống cây trồng và cơ cấu mùa vụ.
- D. phát triển mạnh cây vụ đông, giảm việc trồng lúa.

Hướng dẫn: Để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp và tiến lên sản xuất hàng hóa cần: Phân bố cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp; Thay đổi cơ cấu cây trồng và mùa vụ hợp lý đem lại năng suất kinh tế cao.

=> Đáp án: C

2. Đáp án

41.D	42.A	43.C	44.C	45.A	46.A	47.C	48.D	49.A	50.B
51.D	52.D	53.D	54.A	55.C	56.B	57.A	58.A	59.C	60.B
61.A	62.D	63.A	64.A	65.A	66.D	67.C	68.C	69.A	70.B
71.A	72.D	73.A	74.D	75.D	76.C	77.B	78.B	79.B	80.C